

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM SHINKYOSEI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM SHINKYOSEI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINKYOSEI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SHINKYOSEI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108493840

3. Ngày thành lập: 31/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 37, phố Nhổn, Tổ dân phố 8 Tu Hoàng, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8533
2.	Sản xuất máy luyện kim	2823
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
5.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
6.	Giáo dục mẫu giáo (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật quy định)	8512
7.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
8.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560(Chính)
9.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
13.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
14.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

16.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
17.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4773
18.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
20.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
24.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
25.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
28.	Giáo dục nhà trẻ (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật quy định)	8511
29.	Giáo dục tiểu học (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện pháp luật quy định)	8521
30.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8531
31.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
32.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
33.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
34.	Đúc sắt, thép	2431
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
37.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
38.	Sản xuất bì, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
39.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
40.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
41.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

42.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Xây dựng công trình điện	4221
45.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4512
46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
48.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Các hoạt động chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.	1010
51.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
53.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
54.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
55.	Đúc kim loại màu	2432
56.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
57.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
58.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
59.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
60.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
61.	Xây dựng nhà để ở	4101
62.	Xây dựng nhà không để ở	4102
63.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329

66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt đầu giá)	4530
67.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
68.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
69.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
73.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8532
74.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
75.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
76.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
77.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản Chi tiết: - Chế biến và bảo quản cá, tôm, cua và loài thân mềm; làm lạnh, sấy khô, hun khói, ướp muối, ngâm trong nước muối, đóng gói... - Sản xuất các sản phẩm cá, tôm cua và các loài động vật thân mềm; cá nấu chín, cá khúc, cá rán, trứng cá muối, phụ phẩm trứng cá muối... - Sản xuất các thức ăn cho người hoặc súc vật từ cá; - Sản xuất các thức ăn từ cá và các động vật sống dưới nước khác không dùng cho người.	1020
78.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
79.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
80.	Điều hành tua du lịch	7912
81.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211

82.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
83.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
84.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt đầu giá)	4511
85.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt đầu giá)	4513
86.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
87.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
88.	Bán buôn thực phẩm	4632
89.	Bán buôn đồ uống	4633
90.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
91.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
92.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; -Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); -Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; -Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp.	4659
93.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
94.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
95.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

6. Vốn điều lệ: 9.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THU HÀ	Số nhà 40, TDP Văn Trì, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	95.000	950.000.000	10,000	001182006201	
			Tổng số	95.000	950.000.000	10,000		
2	LÊ THANH HUYỀN	Thôn Đa, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	389.500	3.895.000.000	41,000	B7551982	
			Tổng số	389.500	3.895.000.000	41,000		
3	NGÔ QUÝ BẰNG	Thôn Đỗ Hạ, Xã Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Tổng số	465.500	4.655.000.000	49,000	033086003348	
			Cổ phần phổ thông	465.500	4.655.000.000	49,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ QUÝ BẰNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 17/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033086003348

Ngày cấp: 23/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đỗ Hạ, Xã Quang Vinh, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Câu, Xã Lại Thượng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 31/10/2018 đến ngày 30/11/2018

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội